| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN GIỒNG RIỀNG**<br>**TỈNH KIÊN GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 30/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 02 - 02 - 2023
V/v: "TrA chấp ly hôn,
nuôi con chung"

**NHÂN DA**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà*: Bà Nguyễn Thị Cẩm Hương.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Hà Bửu Khánh

2. Ông Võ Minh Tuấn

***- Thư ký phiên toà***: Bà Võ Thị Mỹ Nhan - Thư ký Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa***: Bà Trương Hồng Diễm – Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 412/2022/TLST - HNGĐ, ngày 20 tháng 6 năm 2022 về việc trA chấp "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 273/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 14 tháng 12 năm 2022; giữa:

*1. Nguyên đơn*: Chị Huỳnh Kiều L, sinh năm: 1997 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Th Ng, xã Th H, huyện GR, tỉnh KG

*2. Bị đơn:* A Trương Tuấn A, sinh năm: 1995 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Th Ng, xã Th H, huyện GR, tỉnh KG.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện nguyên đơn chị Huỳnh Kiều L trình bày:* Chị và anh Trương Tuấn A tự tìm hiểu quen biết trước và tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Thạnh Hưng, huyện Giồng Riềng chứng nhận kết hôn vào năm 2015. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng dần về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn, dẫn đến cải nhau tình cảm và hạnh phúc gia đình rạn nứt. Anh Tuấn A không lo chí thú làm ăn, thiếu trách nhiệm. Chị đã lựa lời khuyên ngăn nhưng a Tuấn A vẫn không thay đổi. Đến năm 2018, chị và anh Tuấn A đã sống ly thân nhau cho đến nay. Xét thấy hôn nhân của chị và anh Tuấn A nếu miễn cưỡng chung sống với nhau cũng không mang lại hạnh phúc, nên chị

yêu cầu ly hôn anh Tuấn A. Quá trình chung sống giữa chị và anh Tuấn A có hai con chung Trương G H1, sinh ngày 20/10/2014 và Trương H H2, sinh ngày 23/8/2016. Hiện hai con đang sống cùng chị, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con và xét theo ý kiến của con. Nếu con sống với chị, chị có trách nhiệm nuôi dưỡng không yêu cầu anh Tuấn A cấp dưỡng. Vì anh Tuấn A từ trước đến nay không có trách nhiệm gì với con cái, bản thân chị có nghề nghiệp có mức thu nhập ổn định đảm bảo việc nuôi dạy con tốt. Về tài sản và nợ chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trương Tuấn A không giao nộp văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Kiều L.

Phát biểu quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng:

Về trình tự thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn được thực hiện đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Chị Huỳnh Kiều L và anh Trương Tuấn A tự tìm hiểu quen biết và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Thạnh Hưng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang chứng nhận kết hôn nên hôn nhân của chị L và anh Tuấn A là hợp pháp. Chị L cho rằng cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên cải nhau, không có sự quan tâm chia sẻ lẫn nhau, bản thân anh Tuấn A thiếu trách nhiệm với gia đình. Từ đó, làm cho tình cảm vợ chồng rạn nứt và mất dần hạnh phúc gia đình, chị L và anh Tuấn A đã ly thân nhau từ năm 2018 cho đến nay. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng chị L và anh Tuấn A đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích xây dựng hôn nhân lâu dài bền vững không đạt được nên chị L khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Tuấn A là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L.

Về con chung: Chị L xác định chị và anh Tuấn A có hai con chung tên Trương G H1, sinh ngày 20/10/2014 và Trương H H2, sinh ngày 23/8/2016. Hiện hai con đang sống cùng chị, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con và xét theo ý kiến của con, trường hợp con sống với chị, chị không yêu cầu A Tuấn A cấp dưỡng. Xét thấy, từ khi chị L và anh Tuấn A không còn chung sống vợ chồng, hai con sống với chị L, anh Tuấn A cũng không tới lui thăm nom, chăm sóc; các cháu vẫn phát triển tốt và hai cháu có nguyện vọng sống cùng chị L nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, xử giao hai con cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Do chị L không yêu cầu anh Tuấn A cấp dưỡng nên miễn xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị L xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết và anh Tuấn A cũng không có ý kiến phản đối gì đối với yêu cầu trên của chị L nên đề nghị không xem xét.

Về án phí: Buộc chị L chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về trình tự thủ tục tố tụng: Chị Huỳnh Kiều L khởi kiện yêu cầu ly hôn, được quyền nuôi con chung với anh Trương Tuấn A nên đây là trA chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con chung được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự và anh Tuấn A với tư cách là bị đơn trong vụ kiện có nơi cư trú tại huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn anh Trương Tuấn A đã được Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng tại Tòa án nhưng A vắng mặt tại nơi cư trú trước thời điểm chị Huỳnh Kiều L khởi kiện tại Tòa án nên đã tiến hành niêm yết công khai các thủ tục tố tụng trên theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự và thực hiện thủ tục đăng tin thông báo cho anh Trương Tuấn A được biết để tham gia phiên Tòa xét xử nhưng anh Tuấn A vắng mặt qua các lần triệu tập. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng tiến hành đưa vụ kiện ra xét xử vắng mặt anh Tuấn A là hoàn toàn phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ kiện:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Kiều L và anh Trương Tuấn A tự tìm hiểu quen biết trước, tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Thạnh Hưng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang chứng nhận kết hôn nên hôn nhân của anh, chị được xem là hợp pháp. Quá trình chung sống giữa chị L và anh Tuấn A phát sinh nhiều mâu thuẫn đã được chị L xác định trong quá trình khởi kiện và tại biên bản lấy lời khai tại Tòa án. Riêng anh Tuấn A không giao nộp văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị L và vắng mặt qua các lần triệu tập để làm việc. Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự: "*Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó*". Nhưng anh Tuấn A không có ý kiến gì. Mặc dù, nguyên nhân mâu thuẫn theo trình bày chị L là vợ chồng thường xuyên cải nhau, bản thân anh Tuấn A không lo chí thú làm ăn, thiếu trách nhiệm với gia đình. Thấy rằng chị L và anh Tuấn A đã không còn chung sống vợ chồng từ năm 2018 cho đến nay căn cứ vào sự xác nhận của chính quyền địa phương nơi cư trú, xác định anh Tuấn A đã rời khỏi nơi cư trú từ năm 2019 cho đến nay nên có thể khẳng định đời sống vợ chồng của chị L và anh Tuấn A không thể kéo dài, mục đích xây dựng hôn nhân lâu dài bền vững không đạt được. Kể từ thời điểm chị L khởi kiện, chị xác định có liên hệ với anh Tuấn A qua điện thoại và thông báo cho anh Tuấn A biết việc chị khởi kiện xin ly hôn tại Tòa án, anh Tuấn A biết được thông tin vụ

việc nhưng cố tình vắng mặt qua các lần mời của Tòa án. Điều đó chứng tỏ anh Tuấn A không có thiện chí hàn gắn, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng nên chị L yêu cầu được ly hôn với anh Tuấn A là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị L được ly hôn A Tuấn A.

[2.2] Về con chung: Chị L xác định chị và anh Tuấn A có hai con chung Trương G H1, sinh ngày 20/10/2014 và Trương H H2, sinh ngày 23/8/2016. Anh Tuấn A không có ý kiến gì về con nên Hội đồng xét xử căn cứ vào chứng cứ chị L cung cấp là giấy khai sinh của hai con đã thể hiện anh Tuấn A và chị L là cha mẹ của các cháu. Từ đó, có cơ sở để xác định cháu Trương G H1, sinh ngày 20/10/2014 và Trương H H2, sinh ngày 23/8/2016 là con chung của chị L và anh Tuấn A. Xét yêu cầu của chị L về việc yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng hai con. Hội đồng xét xử thấy rằng hiện tại hai con đang sống với chị L, các cháu phát triển tốt về thể chất lẫn tinh thần và anh Tuấn A cũng không có ý kiến cho rằng chị L nuôi con không tốt. Đến thời điểm xét xử, không có tài liệu chứng cứ nào xác định chị L không đủ điều kiện để nuôi con. Mặc khác, cháu Trương G H1 và Trương H H2 cũng có ý kiến được sống cùng chị L. Bản thân chị L hiện tại cũng có công việc ổn định tạo thu nhập đảm bảo cho việc nuôi con. Trong khi chị L và anh Tuấn A đã ly thân nhau từ năm 2018 và kể từ thời điểm trên anh Tuấn A cũng không một lần về thăm nom hay chăm sóc con. Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xử giao Trương G H1, sinh ngày 20/10/2014 và Trương H H2, sinh ngày 23/8/2016 cho chị Huỳnh Kiều L trực tiếp nuôi dưỡng. Chị L không yêu cầu anh Tuấn A cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét. Anh Tuấn A được quyền đến thăm nom, chăm sóc, dạy dỗ con chung, không ai có quyền cản trở.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị L xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh Tuấn A cũng không có ý kiến phản đối nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp sau này có trA chấp thì khởi kiện thành vụ kiện khác.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí; Án phí ly hôn sơ thẩm chị L phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị L đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0008373 ngày 18/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Chị L đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm nên không phải nộp thêm.

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Huỳnh Kiều L được ly hôn với anh Trương Tuấn A.

2. Về con chung: Giao hai con Trương G H1, sinh ngày 20/10/2014 và Trương H H2, sinh ngày 23/8/2016 cho chị Huỳnh Kiều L trực tiếp nuôi dưỡng (xét theo nguyện vọng cháu G H1 và H H2 được sống cùng chị L). Anh Tuấn A không cấp dưỡng nuôi con do chị L không yêu cầu.

Anh Trương Tuấn A được quyền đến thăm nom, chăm sóc, dạy dỗ con chung không ai có quyền cản trở.

3. Về án phí: Chị Huỳnh Kiều L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị L đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008506 ngày 16/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Chị L đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm nên không phải nộp thêm.

Báo cho các đương sự  biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày, chị L được tính kể từ ngày tuyên án (02/02/2023), anh Tuấn A được tính kể từ ngày nhận được tống đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
- Cơ quan Thi hành án huyện;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã;
- Lưu.

**Nguyễn Thị Cẩm Hương**